

Bản án số: 406 /2024/DS-PT
Ngày: 07-8 - 2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 318/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 7 hẻm G Quốc lộ A, Khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Tạ Kim T1**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ : Số E Đường C tháng 2 , Khu phố A, Phường D, thị xã C, Tiền Giang

Bị đơn: Chị **Chung Thị Kim N**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 7 hẻm G Quốc lộ A, Khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: 7 Quốc lộ A, Khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Chung Thị Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, án nguyên đơn Phạm Thị Thanh T, có người đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T1 trình bày:

Do chỗ dì cháu tin tưởng nhau nên bà Phạm Thị Thanh T đã nhiều lần cho chị Chung Thị Kim N mượn tiền để mua bán và sửa chữa nhà ở, cụ thể như sau:

- Tháng 6/2017, bà T có cho chị N mượn 03 (Ba) chỉ vàng 24kr.
- Tháng 9/2017, bà T có cho chị N mượn 03 (Ba) chỉ vàng 24kr.
- Tháng 12/2019, bà T có cho chị N mượn số tiền là 10.000.000 đồng.
- Ngày 29/5/2020, bà T có cho chị N mượn 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kr để trả nợ cho Ngân hàng.

Vì tin tưởng nhau nên khi cho mượn tiền bà T không có yêu cầu chị N viết biên nhận, nhưng chị N có giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 360050, sổ vào sổ cấp GCN: CS09731 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/7/2017 cho bà Chung Thị Kim N cho bà T để làm tin. Từ đầu năm 2023 đến nay, bà T đã nhiều lần yêu cầu chị N trả cho bà T số tiền đã mượn là 10.000.000 đồng và 26 chỉ vàng 24kr. Tuy nhiên chị N không trả mà cứ hứa hẹn để kéo dài thời gian nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Ngày 05/01/2024, Ban hòa giải khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa bà T và chị N nhưng hòa giải không thành, tại buổi hòa giải chị N thừa nhận có mượn của bà T 10.000.000đồng và 23 chỉ vàng 24kr.

Nay bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu chị Chung Thị Kim N trả số tiền 10.000.000đồng và 23 chỉ vàng 24kr, yêu cầu trả làm 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Chung Thị Kim N trình bày: Chị thừa nhận còn nợ bà Phạm Thị Thanh T số tiền 10.000.000đồng và 23 chỉ vàng 24kr. Chị đã mượn số tiền và vàng này của bà T thời gian khá lâu nên không nhớ cụ thể vào ngày, tháng, năm nào; chỉ nhớ mượn của bà T 03 lần: Lần đầu mượn 03 chỉ vàng 24kr, vài năm sau mượn 20 chỉ vàng 24kr và 10.000.000đồng. Tổng cộng là 23 chỉ vàng 24kr và 10.000.000đồng. Chị có đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 360050, sổ vào sổ cấp GCN: CS09731 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/7/2017 cho bà Chung Thị Kim N cho bà T để làm tin. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, chị đồng ý trả cho bà T số tiền 10.000.000đồng và 23 chỉ vàng 24kr. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng trả 0,5 chỉ vàng 24kr cho đến khi hết số vàng 23 chỉ vàng 24kr, sau đó tiếp tục trả 3.000.000đồng mỗi tháng cho đến khi hết số tiền 10.000.000đồng. Đối

với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 360050, sổ vào sổ cấp GCN: CS09731 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/7/2017 cho bà Chung Thị Kim N là tài sản riêng của chị được mẹ của chị N cho riêng sau khi chị đã ly hôn với chồng.

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng: Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Thanh T.

Buộc bị đơn Chung Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Thị Thanh T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và 23 (hai mươi ba) chỉ vàng 24kr. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Chung Thị Kim N chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Bà Phạm Thị Thanh T có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 360050, sổ vào sổ cấp GCN: CS09731 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/7/2017 cho bà Chung Thị Kim N khi chị N thực hiện xong nghĩa vụ trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và 23 (hai mươi ba) chỉ vàng 24kr.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/5/2024, bị đơn Chung Thị Kim N có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm xét xử theo hướng cho chị được trả dần hàng tháng là 0,5 chỉ vàng/24K/01 tháng cho đến khi hết nợ thì chị sẽ nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Chị N kháng cáo trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bà T khởi kiện chị N đòi số tiền 10.000.000đồng và 23 chỉ vàng 24 kr được chị N thừa nhận nợ nên xem đây là sự việc không cần phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N kháng cáo xin trả dần, không được bà T đồng ý. Xét thấy, bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng không chấp nhận kháng cáo của chị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Chung Thị Kim N, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và xét xử sơ thẩm là có căn cứ, đúng thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi số tiền vay 10.000.000đồng và 23 chỉ vàng 24kr (vàng giao dịch tại địa phương). Bị đơn thừa nhận toàn bộ số nợ trên và xin trả dần mỗi tháng 0,5 chỉ vàng 24 kr. Nguyên đơn không đồng ý cho trả dần. Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử buộc bị đơn trả một lần số tiền 10.000.000đồng và 23 chỉ vàng 24kr thì bị đơn kháng cáo bản án xin trả dần.

[3]Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Chung Thị kim Ngân, Hội Đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Đối với số tiền vàng nợ là 10.000.000đồng và 23 chỉ vàng 24kr do nguyên đơn khởi kiện được bị đơn thừa nhận nợ. Có cơ sở xác định đây là sự kiện không cần phải chứng minh qui định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Đối với yêu cầu kháng cáo xin trả dần của bị đơn mỗi tháng trả 0,5 chỉ vàng 24kr. Xét thấy, số tiền và số vàng nguyên đơn khởi kiện là số tiền vốn vay từ năm 2017 cho đến nay, bị đơn không có trả lãi. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu trả vốn là hoàn toàn có lợi cho bị đơn. Bị đơn kháng cáo xin trả dần là gây thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn, không được nguyên đơn đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có nộp đơn xin xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân là lao động chính phải nuôi con nhỏ, thu nhập thấp. Xét thấy, bị đơn có thực sự khó khăn, không có tài sản để trả nợ sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án và thuộc thẩm quyền giai quyết của Cơ quan thi hành án dân sự.

[4] Từ những căn cứ như trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Chung Thị Kim N .

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Thanh T.

Buộc bị đơn Chung Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Thị Thanh T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và 23 (hai mươi ba) chỉ vàng 24kr(loại vàng nhẫn giao dịch tại địa phương). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Chung Thị Kim N chậm thi hành đối với số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3/Bà Phạm Thị Thanh T có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 360050, số vào sổ cấp GCN: CS09731 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/7/2017 cho bà Chung Thị Kim N khi chị N thực hiện xong nghĩa vụ trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và 23 (hai mươi ba) chỉ vàng 24kr.

4/ Về án phí

- Chị Chung Thị Kim N chịu 9.010.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do chị N nộp theo biên lai thu số 0004846 ngày 06/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh tiền G xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

-Trả lại cho bà Phạm Thị Thanh T 3.450.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004680 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt

